

ĐẠM B.K.P.60 LY NỔ MẠNH CỦA TRUNG-CÔNG VỚI HOA-
PHÁO MP.82 BẰNG NHỰA (SƠ SÁNH ĐẠM NÀY VỚI ĐẠM
B.K.P.60 LY NỔ MẠNH CỦA HOA-KY

338

Đạh Bính-kích-Pháo 60 ly nổ mạnh của Trung-
Cộng là loại đạn được bằng gang pha sắt, gắn với
hỏa-pháo M.P.82 bằng nhựa, thuộc khối là loại TNT
màu vàng.

Đạh này Việt Cộng đã mạo hoá, theo nhận hiệu
của loại đạn Hoa-Ky, tuy nhiên, có những đặc -
điểm sau đây có thể nhận dạng.

Bộ cánh ổn-dinh : Gồm có 8 cánh y như bộ
cánh ổn-dinh của đạn Hoa-Ky, nhưng của Trung -
Cộng phần cuối cánh thì thẳng góc khác với cánh
của Hoa-Ky phần cuối cánh là góc tròn.

Vành đai kiểm hơi : Gồm có 5 đai, một lớn
và bốn nhỏ giống đều nhau. (Đai lớn ở trên đầu
và 4 đai nhỏ ở dưới) của vành đai đạn của Hoa -
Ky có 5 đai trên dưới cùng cỡ nhau.

CHICOM 60MM MORTAR HIGH EXPLOSIVE SHELL WITH MP
82 PLASTIC FUZE (SIMILAR TO THE US 60MM MORTAR
EXPLOSIVE SHELL)

The ChiCom 60mm mortar high explosive shell,
made of iron and cast iron alloy, is provided
with a MP 82 plastic fuze. It is charged with
yellow TNT.

This type of ammunition manufactured by the
VC bears the false mark of US ammunition; however,
it can be identified by the following features:

The stabilizing fin. It is composed of eight
fins like that of the US shell; however, its fin
end is angular instead of round, as that of the
US shell.

Gas check rings. It is composed of five gas
check rings, one large ring in the upper part, and
four small rings in the lower part while the US
shell has five gas check rings of the same size.



389

DẠN BÍCH-KÍCH-PHÁO 82 LY CỦA TRUNG-CỘNG.

Dạn này được Trung-Cộng chế tạo ráp theo dạn Bích-Kích-Pháo 82 ly VU-832 D của Nga-Sô. Quả dạn được ráp loại hoa-pháo chạm nổ; thân dạn đúc bằng gang có 10 cánh ổn-định. Dạn tổng bằng giấy giống kiểu dạn súng săn. Thuốc b ởi được đựng trong túi nhỏ bằng vải.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ 82 ly
 Trọng lượng 3 Kg 880
 Chiều dài toàn thể 325 ly
 Kim loại đúc bằng gang
 Thuốc nổ chính TNT
 Cách ổn-định Bằng 10 cánh ổn-định.

CHICOM 82MM MORTAR AMMUNITION

The Chinese Communist 82mm mortar cartridge is a copy of the Soviet 82mm VO-832 D cartridge. The teardrop-shaped mortar cartridge has a point-detonating fuze, cast iron body, fin assembly, and propellant increments.

The heavy paper ignition cartridge is a shot-gun shell-type cartridge. The propellant increments are of the split-ring donut-type and are encased in a cotton cloth bag.

CHARACTERISTICS

Caliber	82mm
Weight	8.6 pounds
Length overall	12.8 inches
Body material	Cast iron
Explosive filler	TNT
Number of fins	10



541

ĐẠN HÍCH-KÍCH-PHÁO 82 LY CỦA NGA-SO.

Đạn Hích-Kích-Pháo 82 ly kiểu VO-832D văng miếng của Nga-Sô được ráp hỏa pháo chạm nổ M-5. Thân đạn bằng gang, ổn-dịnh bằng 10 cánh ổn-dịnh. Đạn tổng có hình dạng một viên đạn súng sắn. Thuộc đầy hình khoanh tròn đứng trong 1 cái túi bằng vải.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ 82 ly
 Trọng lượng 3 Kg 100
 Chiều dài toàn thể 313 ly
 Thân đạn Bằng gang
 Thuốc nổ chính TNT
 Số cánh ổn-dịnh 10 cánh.

SOVIET 82MM MORTAR AMMUNITION

The Soviet 82mm model VO-832 D fragmentation mortar cartridge has an M-5 point-detonating fuze, cast iron projectile, fin assembly, propellant increment charges, and a shotgun-shell type ignition cartridge. The split ring propellant increments are encased in a cotton cloth bag.

CHARACTERISTICS

Caliber	82mm
Weight	6.9 pounds
Length overall	12.3 inches
Body material	Cast iron
Explosive filler	TNT
Number of fins	10



545

ĐẠN BÍCH-KÍCH-PHÁO 120 LY CỦA TRUNG-CỘNG.

Đạn Bích-Kích-Pháo 120 ly của Trung-Cộng được chế-tạo ráp theo kiểu đạn Bích-Kích-Pháo 120 ly OF 843A của Nga-Sô luôn cả thuốc nổ và đạn tống.

Là một loại đạn nổ mạnh văng mảnh, thân đạn có 6 vành đai kiểm hơi; có 12 cánh ổn-dịnh và 18 lỗ thoát hơi trên trục cốt cánh ổn-dịnh xếp thành 6 hàng, mỗi hàng 3 lỗ.

Có khi đạn này được ráp loại hỏa-pháo kiểu 7 của Trung-Cộng (chế-tạo theo kiểu hỏa-pháo GVZ-7 của Nga-Sô) có khi lại được ráp loại hỏa-pháo kiểu 12 của Trung-Cộng (chế-tạo theo kiểu hỏa-pháo M-12 của Nga-Sô.)

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ	120 ly
Trọng-lượng toàn thể . .	12,630 Kgs
Chiều dài toàn thể . . .	597 ly
Kim loại	Thép bằng gang
Thuốc nổ chính	TNT
Vũ-khí sử-dụng	Bích-kích-pháo kiểu M.1938, M.1943 của Nga-Sô và Bích-Kích Pháo kiểu 55 của Trung Cộng.

CHICOM 120MM MORTAR AMMUNITION

The Communist Chinese 120mm mortar projectile is a direct copy of the Soviet 120mm OF-843 A projectile. The donut-type propellant increment and the shotgun-type ignition cartridge are also direct copies of the comparable Soviet components.

The 120mm mortar shell HE fragmentation is of teardrop design. There are six gas-check bands separated by five annular grooves to constitute the bour-relet. The fin assembly has 12 fins and 18 gas-escape ports arranged in six rows of three.

This projectile has been recovered with the ChiCom type 7 fuze, which is a copy of the Soviet GVZM-7, and the ChiCom type 12 fuze, which is a copy of the Soviet M-12 fuze.

CHARACTERISTICS:

Caliber	120mm
Length, complete round	23.5 inches
Weight, complete round	28 pounds
Body material	Cast iron
Explosive filler	TNT
Using weapon	Soviet M.1938, M.1943, ChiCom type 55 mortars



**DẠN ĐẠI-BÁC 75 LY KHÔNG GIẬT NỔ MẠNH CCX CÓ ĐUÔI
CÁNH ỔN ĐỊNH CỦA TRUNG-CỘNG.**

Là 1 đạn nổ lớn có hỏa-pháo chạm đầu nổ hầu, định bằng 8 cánh ổn định.

Dạn dùng để bắn với đại-bác 75 ly không-giật kiểu 56 của Trung-Cộng có trang-bị bộ máy ngắm để có thể bắn thẳng và bắn vòng cầu nước.

Việt-Cộng nhờ sử-dụng loại đạn này mà bọn chúng có một hỏa lực CCX rất hữu-hiệu. Tầm hiệu dụng của vũ-khí ước-lượng từ 500 đến 700 thước.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ	75 ly loại nổ mạnh/CCX
Chiều dài toàn thể	693 ly
Màu sắc	Màu xanh 8-liu (OD)
Sơ tốc nổ	292 thước/giây
Độ xuyên phá	210 ly bắn thẳng
Thuốc nổ chính	TNT.
Tầm hiệu dụng	500 - 700 thước (Phong-tính).

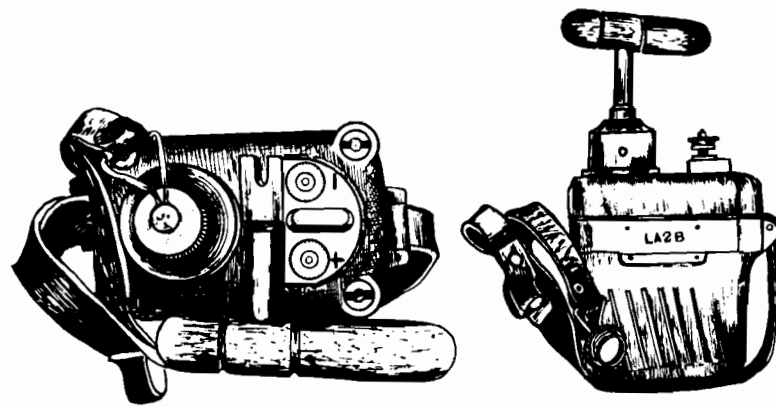
CHICOM 75MM FIN STABILIZED HEAT CARTRIDGE

The 75mm HEAT projectile is a shaped-charge projectile utilizing a point-initiating, base-detonating fuze. It is stabilized in flight by an eight finned stabilized assembly.

This HEAT projectile can be fired from the Chi-Com 75mm type 56 recoilless rifle. The weapon is provided with a sight unit which permits direct and indirect fire. Presence of the 75mm HEAT projectile indicates improved antiarmor capability available to the VC/NVA forces because effective ranges of approximately 500 to 700 meters can be expected.

CHARACTERISTICS

Caliber	75mm
Type	HEAT
Length, complete round	27.28 inches
Color	OD
Velocity	975 feet/second
Armor penetration	8.27 inches against standard rolled steel plate at 0°
Explosive filler	TNT
Maximum effective range	500 to 700 m (estimated)



MÁY PHÁT ĐIỆN GIẬT Mìn LA 2 B CỦA TRUNG-CỘNG

Máy phát điện giật mìn LA 2 B của Trung-Cộng dùng để giật nổ tất cả loại ngòi nổ điện.

Máy có khả-năng giật nổ một lúc 10 ngòi nổ.

ĐẶC - TÍNH

Vỏ
Bề cao
Bề ngang
Trọng lượng

Bằng kim khí
170 ly
140 ly
2 kg 650

349

CHICOM LA 2 B BLASTING MACHINE

The ChiCom LA 2 B blasting machine is used to detonate all types of electrical blasting caps. It can detonate 10 blasting caps simultaneously.

CHARACTERISTICS

Case	Metal
Height	170 mm (7 inches approx)
Width	140 mm (5.5 inches approx)
Weight	2.65 kg (5.5 pounds approx)



MÁY PHÁT ĐIỆN GIẬT Mìn KIỂU 61 CỦA TRUNG-CỘNG.

Máy này có thể kích-hỏa một lượt 25 ngòi nổ tiên nối liền với nhau. Máy cơ-hành giống như máy phát-tiện lử ngòi nổ của Hoa-Kỳ bằng cách cầm máy bằng tay trái và tay phải cầm cần tay quay và quay độ 1/3 vòng tròn theo chiều kim đồng hồ.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

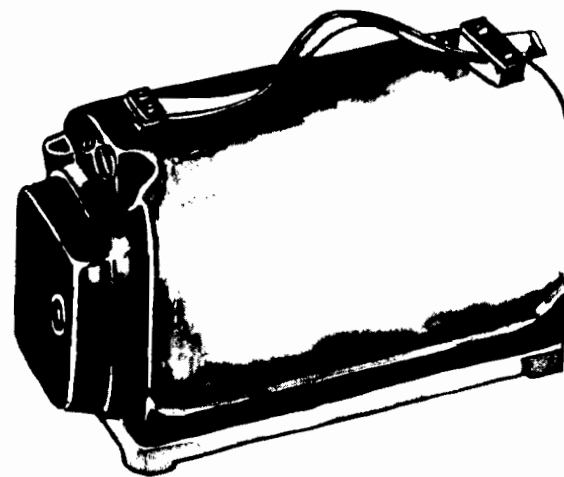
Chiều cao 181 ly
 Chiều dày 86 ly
 Chiều ngang 159 ly
 Trọng lượng cơ tay quay . . . 5 Kg, 8
 kim khí Vỏ máy bằng nhôm đúc
 hoặc hộp kim nhôm.
 Màu sắc Màu xanh ô-liu hoặc xám.

CHICOM, TYPE 61 BLASTING MACHINE

The blasting machine is a hand-held, electric impulse-type generator, which is capable of firing up to 25 electric blasting caps wired in series. The blasting machine is operated in the same manner as the US ten can blasting machine: by holding the machine in the left hand and turning the handle clockwise (approximately 1/3 turn) with the right hand.

CHARACTERISTICS

Height	7.125 inches
Width	3.375 inches
Length	6.25 inches
Weight with handle	8.50 pounds
Case material	Cast aluminum or aluminum alloy
Color of case	Gray or olive drab



MÁY PHÁT ĐIỆN CHẠM NGỒI KIỂU PM-1 CỦA NGA-SO.

Máy phát điện chạm ngòi kiểu Mi-1 là loại cơ hành bằng tay, điện thế thấp, chế-tạo-ráp theo kiểu "Máy phát điện da-chiến" kiểu 1926 của Đức. Máy phát điện gồm có một bộ-phần phát điện, một bộ-phần truyền lực và 1 lò-sò gắn trên một đế kim-khí hình chữ nhật. Ở 1 đầu cửa nắp đậy bằng kim-khí hình "ô bánh" có một cái cửa bằng kim-khí có gấn bun-lê. Cửa này đậy một bộ-phần lò-sò lên giấy, bộ-phần quay máy và hai cực mắc dây điện. Máy chuyển-vận bằng cách tế chốt khóa và lên giấy lò-sò bằng tay quay tay. Khi dùng tay quay này để mở chốt khóa thì lò-sò tự tung ra quay luôn máy phát điện để phát ra một lượng điện. Máy phát điện này có thể kích-hoà đến 100 ngòi nổ đặt nối tiếp trong khoảng 2000 m với dây điện của Nga-Sô.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Năng suất	290 volts điện 1 Ampère qua điện trở tối đa 290 Ohms.
Chiều dài	21,4 cm
Chiều rộng	10,2 cm
Chiều cao	12,2 cm
Trọng-lượng	6 Kg 750

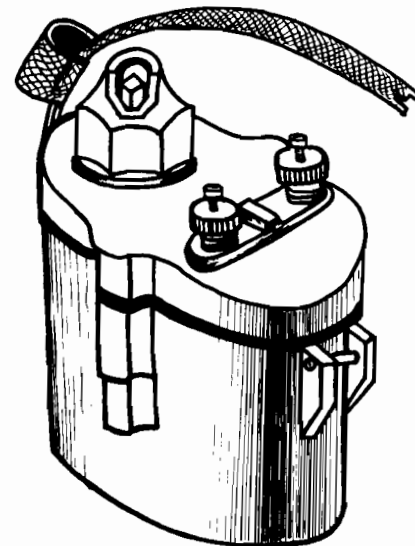
SOVIET BLASTING MACHINE, PM-1

The PM-1 is a hand-operated, low tension, electric generator patterned after the German "Field Exnloader" Model 1926. The machine consists of a generator unit, a gear assembly, and a coil spring fixed to a rectangular metal base plate. A loaf-shaped metal cover fits on the base plate and has a hinged metal door at one end. This door covers the spring winding post, the release post, and the two terminals. To operate the machine, a gear locking lug is engaged and the spring is wound by means of the crank. The crank is then used to release the locking lug, allowing the spring to unwind and turn the generator which produces the current. This blasting machine can detonate up to 100 electric caps, wired in a series, through a maximum of 2,000 meters of Soviet firing wire.

CHARACTERISTICS

Output	290 volts at 1 ampere through a maximum of 290 ohms external resistance.
Length	21.4 cm
Width	10.2 cm
Height	12.2 cm
Weight	15 pounds

353



MÁY PHÁT ĐIỆN GIẬT MÀN PM-2 CỦA NGA-SO

Máy phát điện giật màn PM-2 của Nga-gô dùng để châm nổ tất cả các loại ngòi nổ điện. Máy có khả năng châm nổ một lúc 10 ngòi nổ.

ĐẶC - TÍNH.

Vỏ	Bằng kim khí
Bề cao	121 ly
Bề ngang	93 ly
Trọng lượng	2,042 kg

RUSSIAN ELECTRIC BLASTING MACHINE, PM-2

The Russian PM-2 electric blasting machine is designed to fire all types of electric blasting caps. It is capable of igniting 10 caps at a time.

CHARACTERISTICS

Case	Metal
Height	121 mm (4.75 inches)
Length	93 mm (3.675 inches)
Weight	2.042 kg (4.5 pounds)

300



DIA-BÀN DEO TAY KCA-2 CỦA NGÀ-SO.

Dĩa bàn này là loại tiêu chuẩn quân-sử hiện tại nước xữ-dùng do Quân-Lực Ngà-SO. Đây là 1 loại dĩa-bàn nam-châm chỉ hướng Bắc, gồm có 1 phần nam-châm trục chốt trong một vỏ tròn tiêu chuẩn bằng nhựa cứng. Mặt dĩa-bàn được khắc từng 3 độ, dĩa-bàn có một kim nam-châm qui-ước quay trên một trụ chốt bằng thép.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Trọng lượng	57 Gra
Đường kính	50 ly
Mặt dĩa-bàn	Có ghi số chỉ mỗi 15 độ (theo chiều kim đồng hồ) và mỗi 500 ly giác (ngược chiều kim đồng hồ). Ngoài ra còn có khắc ghi mỗi 3 độ và mỗi 50 ly giác.

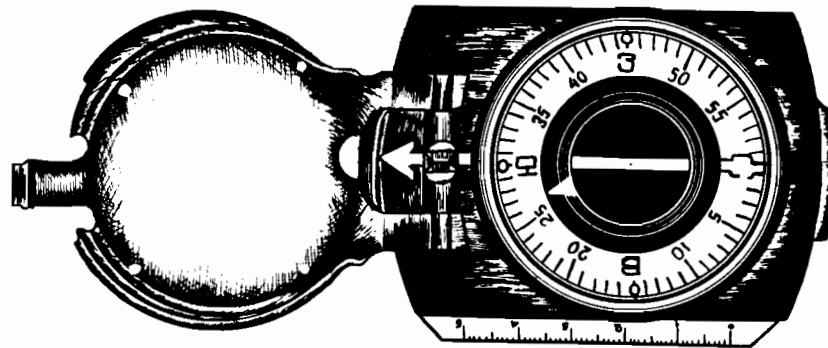
SOVIET WRIST COMPASS, KCA-2

This is a standard military compass currently used by the Soviet Army. It is a magnetic, north-seeking compass, which consists of a pivot-mounted magnet assembly within a molded cylindrical bakelite case. It is marked with three degree graduations, and it uses the conventional needle mounted on a steel post.

CHARACTERISTICS

Weight	2 ounces
Diameter	2 inches
Degree numbers	Every 15 degrees (in a clockwise direction)
Mil markings	Every 500 mils
Mil numbers	Every 500 mils (in a counter-clockwise direction)

357



ĐIÁ BÀN CỦA HOA-SO/TRUNG-CỘNG

7B

RUSSIAN, CHICOM COMPASS

Đĩa bàn được chế tạo bằng nhựa, nặng 76 G 05 gồm có 3 phần chính :

1.- Khung đĩa bàn : Làm bằng nhựa màu hung đen. Mép trái của khung đĩa bàn có khắc số từ 0 đến 5 phân mét. Phía trước có khe ngắm hình chữ V và mũi tên để ngắm hướng.

2.- Mặt đĩa bàn : Hình tròn, được chia thành 6000 ly giác (60 khoảng 100 ly giác). Đây là đặc điểm để phân biệt đĩa bàn của Hoa-SO/Trung-Cộng với đĩa bàn Hoa-Kỳ (đĩa bàn Hoa-Kỳ được chia 6.400 ly giác). Bốn chữ cái chỉ hướng là màu tự Sô-Viết.

3.- Lắp đĩa bàn : Làm bằng nhôm sơn đen, bên trong nắp có gắn một miếng kim khí tròn sì láng như gương như vậy các số và dấu hiệu ghi trên mặt đĩa bàn đều phản chiếu vào đó để dễ đọc.

ĐẶC TÍNH :

Màu sơn	Màu hung đen
Trọng lượng	76g05 (3 OZ)
Độ khắc trên mặt	6.000 ly giác.

This compass is manufactured of plastic, weighs 76.05 grams (3 ounces), and is composed of three main parts.

1. A case made of reddish plastic. On the left edge, figures from 0 to 50 mm are carved. There is a U-shaped sighting slot and an arrow for directional sightings.

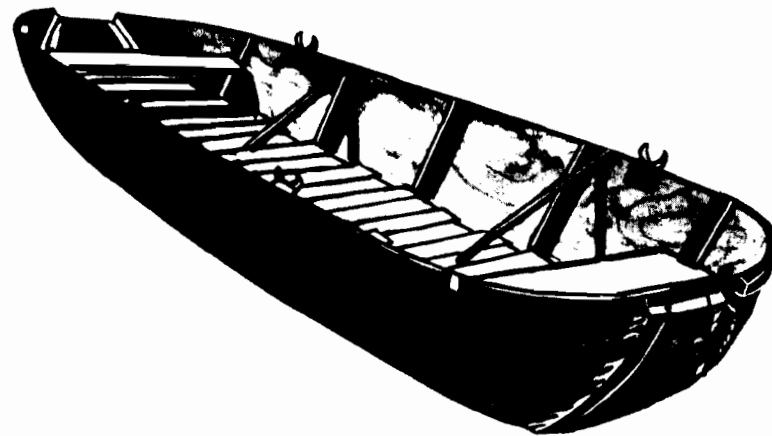
2. A circular dial divided into 6,000 mils (60 intervals of 100 mm each). This is a characteristic which distinguishes the Russian/ChiCom compass from the US compass. (The US compass is broken down into 6,400 mils.) Four capital letters used to designate the four points consist of Russian vowels.

3. A compass cover constructed of aluminum and painted black. Inside the cover is attached a round and smooth-plated piece of metal, which shines like a mirror to reflect all the figures and markings on the compass dial to facilitate reading.

CHARACTERISTICS

Color	Reddish black
Weight	76.05 g. (3 ounces)
Degrees carved on the dial	6,000 mils

534



XUỒNG NHỎ LOẠI XẾP ĐƯỢC KIỂU MSL CỦA NGA-SO.

Xuồng loại xếp kiểu LSM được sử dụng có hiệu quả trong suốt thời kỳ Đệ II Thế-Chiến. Công-dụng xuồng này cũng giống như loại xuồng cao-su bơm hơi kiểu LMN. Xuồng này được oạp đơn-vị tham-thỉnh sử-dụng để vượt qua các vùng nước sâu và để hoàn thành mọi công-tạo dưới nước. Xuồng này có một người chèo mà với 2 mái chèo người đó có thể đạt tới tốc - độ 4,827 đến 5,621 Km/giờ. Xuồng MSL được chế-tạo bằng loại gỗ xếp và kim-khí. Xuồng MSL có đồ phụ-tùng đủ cho 2 người khuôn vạp và do 2 người sắp xếp trong 2 phút thì xuồng có thể sẵn-sang sử-dụng được.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều dài	3,20 thước
Chiều ngang	1,25 thước
Chiều sâu	0,40 thước
Trọng lượng	64,350 Kgs
Trọng tải	459 Kgs
Sức chở	396 Kgs hay 4 người gồm cả người chèo.

SOVIET SMALL, FOLDING BOAT, MSL

The small, folding boat, MSL, was used successfully during World War II. It is similar in function to the small, pneumatic boat, LMN. It is carried by reconnaissance units for crossing water obstacles, and it is used for miscellaneous tasks in the water. The boat has one oarsman who, with two oars, can attain a speed of 3 to 3.5 miles per hour. The MSL is constructed of bakelite plywood and is reinforced with metal. The MSL has a carrying detail of two men. It can be made ready for use and can be launched by two men in two minutes.

CHARACTERISTICS

Length	3.20 m
Beam	1.25 m
Depth	0.40 m
Weight	143 pounds
Displacement	1,020 pounds
Capacity	880 pounds or 4 men, including the crew



XUỒNG CAO-SU BƠM HƠI KIỂU LMN. CỦA NGA-SO.

Xuồng cao-su bơm hơi kiểu LMN được sử dụng có hiệu quả trong suốt thời kỳ đệ II Thế - Chiến. Xuồng này được các đơn vị tham chiến Nga-Sô sử dụng để vượt qua các vùng nước sâu, hầu hoàn thành mọi công-tác ở dưới nước. Xuồng được thổi phồng bằng một loại ống bơm hơi cơ-hành bằng chân; khi sử dụng chỉ cần có hai người sửa soạn trong 5 phút. Xuồng này được chế-tạo bằng vải nhúng cao-su nặng 27 Kg/ 900 ya độ phụ-tung phải có 2 người chèo. Xuồng LMN có thể so-sánh với xuồng tham-thính bằng cao-su bơm hơi trọng tải 6 người của Hoa-Kỳ.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều dài 3,20 thước
 Chiều ngang 1,25 thước
 Chiều sâu 0,40 thước
 Trọng tải tối đa 0,8 tấn
 Số chèo 0,75 tấn
 Cách đẩy Bằng 2 mái chèo
 Vận tốc 30,48 đến 35,052 thước/phút.

SOVIET SMALL, PNEUMATIC BOAT, LMN

The small, pneumatic boat, LMN, was used successfully during World War II. It is carried by reconnaissance units for crossing water obstacles, and it is used to perform miscellaneous tasks in the water. It is inflated by means of a foot-operated, bellows-tyre air pump. It can be made ready for use and can be launched by two men in five minutes. This boat is constructed of a rubber-impregnated fabric, weighs 62 pounds, and requires a carrying detail of two men. The LMN is comparable to the US six-man, pneumatic, reconnaissance boat.

CHARACTERISTICS

Length	3.20 m
Beam	1.25 m
Depth	0.40 m
Maximum displacement	0.80 ton
Capacity	0.75 ton
Propulsion	2 oars
Speed	100 to 115 feet/minute

363

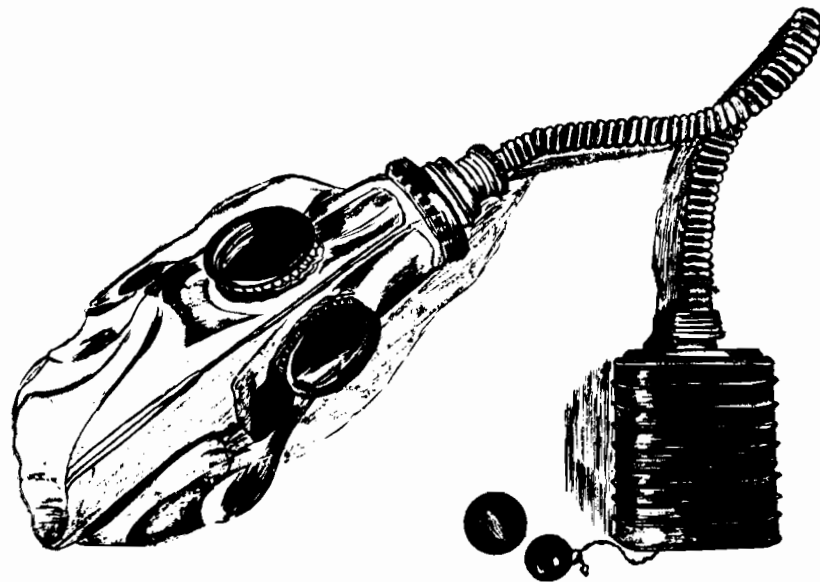


MẶT NẠ CỦA VIỆT-CỘNG

Loại mặt nạ này có lẽ do Việt-Cộng chế-tạo tại Miền Nam Việt-Nam. Mặt nạ được chế-tạo bởi nhiều vật liệu khác nhau. Mặt nạ mẫu theo hình vẽ trang bên được làm bằng loại vải nhựa mỏng trong suốt hoặc loại vải bố. Miếng vải bọc dùng cho loại mặt nạ này thay đổi không nhất định nhưng thường làm bằng loại vải bông sau lần gấp và có bông goong xếp xen kẽ trong chứa một ít bột than hoạt một loại bột khác.

VIET CONG IMPROVISED PROTECTIVE MASK

This improvised protective mask has probably been produced by the Viet Cong in South Vietnam. It is made in several versions from various materials. Examples of these masks have been fabricated from thin polyethylene plastic or from a burlap material. The filter pads used in these masks vary, but are normally a six ply sandwich of gauze and cotton batting with a small quantity of charcoal or other granular material dispersed between the inner gauze layers.



MẶT NẠ KIỂU SHM-1 CỦA HOA SÔ

Mặt nạ SHM-1 được coi là mặt nạ tiêu chuẩn trong Quân-Lục Nga-Sô và đã được đem sử dụng tại nhiều nước khác thuộc Khối Công. Đầu và thân mặt nạ được đúc thành một khối và làm bằng cao-su màu xám trắng. Phía trước mặt nạ có hai mắt kính tròn được bọc chung quanh bằng những vòng bằng đồng thau và có một lỗ bằng đồng dùng để nối ống dẫn khí. Ống dẫn khí có những vòng gân co dãn và thường được bọc bằng một loại vải đặc biệt màu xanh hoặc xám. Trong một vài trường hợp, ống dẫn hơi được làm bằng cao-su đen không có vải bọc ngoài.

Bình lọc của mặt nạ này có nhiều kiểu nhưng bình lọc theo hình vẽ trang bên là một loại đã được Việt-Cộng sử dụng tại Miền Nam. Bình lọc được làm theo hệ-thống thép gai xếp ở bên trong. Loại mặt nạ này khác các kiểu mặt nạ khác ở chỗ không làm theo kiểu thông thường, đầu mặt nạ được đúc bằng cao-su liền với thân mặt nạ.

SOVIET PROTECTIVE MASK MODEL SHM-1

The SHM-1 is standard in the Soviet Army and has also been widely used in other Communist bloc countries. The headpiece and facepiece of the SHM-1 mask are combined and are moulded of light gray rubber. The facepiece has two circular glass eye-pieces with brass rims and a brass connector for the hose tube. The hose tube is corrugated and is normally covered with green or gray stockinette. In some cases the hose is made of black rubber without any covering.

The cannisters used with this protective mask vary, but the one on the opposite page is known to be used by the Viet Cong. It is of the concertina-type inner construction. This mask differs from most in that it does not have a conventional head harness. The SHM-1 is held in place by the rubber hood, which is actually a continuation of the facepiece.

367



MẶT NẠ BẮC-VIỆT VỚI HÌNH LỌC NHỎ.

Đây là loại mặt nạ do Bắc-Việt chế-tạo. Nếu dùng bình lọc này với mặt nạ Nga-Sô kiểu SHM-1 thì có thể chịu được 2 chất CS và CN ở ngoài chiến trường. Vì bình lọc này quá nhỏ nên không chịu được lâu dài. Hiệu-quả của nó đối với các chất độc khác ngoài 2 chất CS và CN, chưa được thí nghiệm. Sau khi sử-dụng rồi, bình lọc có thể mở ra để "lọc khí" và sử-dụng lại được nữa.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

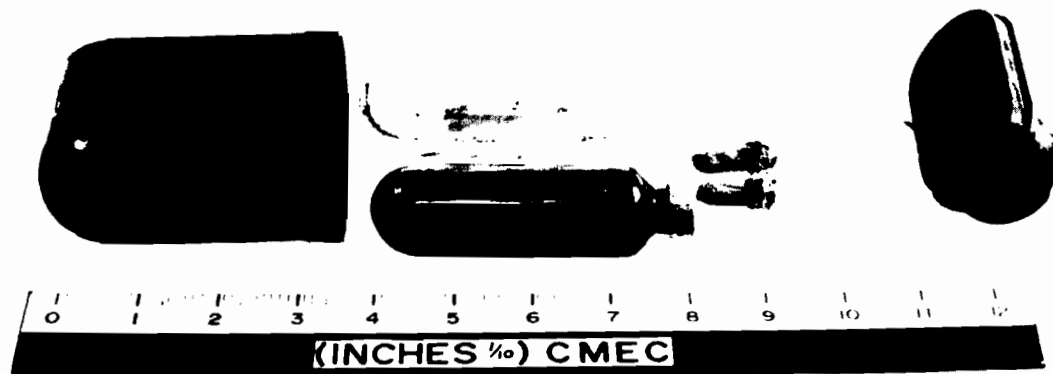
Chiều cao	76 ly
Đường kính	68 ly
Trọng lượng	165 Grs
Hình dạng, màu sắc	Hình lọc bằng kim- khí sơn màu xanh ô- liu.

VIET CONG PROTECTIVE MASK WITH SMALL CANISTER

This canister with SHM-1 mask is capable of offering protection against CS/CN agents in field concentrations. Its small size will not allow exposure for prolonged periods of time. The canister's effectiveness against agents other than CS/CN is not known. After exposure the canister may be aired out for further use.

CHARACTERISTICS

Height	3 inches
Diameter	2.75 inches
Weight	5.8 ounces
Appearance	Olive drab, sheet metal canister



HỘP THUỐC GIẢI-ĐỘC CÁ-NHÂN IPP-3 CỦA NGA-SỐ.

Hộp thuốc gồm 2 chai bằng plastic chứa thuốc giải độc gói trong vải mỏng. Mỗi chai chứa thuốc nước và bột giải độc được ngăn bằng một ống thủy-tinh mỏng. Khi xù-ùng, để bẹp cái ngăn chia bột để hòa lẫn 2 thứ rồi xit lên trên chỗ bị nhiễm độc. Trong hộp còn có chứa 4 ống thủy-tinh chứa chất thuốc ngửi, để trừ hậu quả của khói cay. Thuốc có hiệu-quả đối với các loại hóa chất làm phỏng da và dính trên quần áo, nhưng không có hiệu-quả đối với những chất độc có tác-dụng kích-thích làm tê liệt thần-kinh.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Thuốc nước cân nặng 39 Grs 7
 Bột giải độc cân nặng 6 Grs
 Thuốc ngửi cân nặng 0 Gr 85.

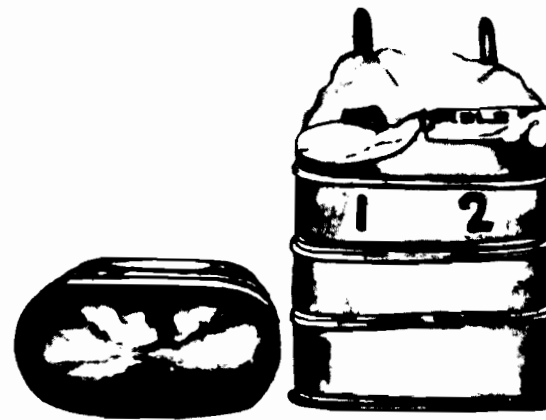
SOVIET INDIVIDUAL DECONTAMINATION PACKET, IPP-3.

This kit contains two plastic vials of decontaminant wrapped in muslin. Each vial contains a solvent and decontaminating powder sealed separately within a thin glass chamber. To use, the contents are first mixed by crushing the glass within the plastic vial and then the solution is squeezed out thru the perforated lid onto the contaminated area. Also included in the kit are four sealed glass vials of inhalant used to counteract the effects of irritant smokes. This kit is effective in neutralizing liquid vesicants on the skin or clothing, but ineffective against nerve agents.

CHARACTERISTICS

Solvent	1.4 ounces
Decontaminating powder (Chloramine-B)	0.21 ounces
Inhalant (chloroform, alcohol, or ammonia)	0.03 ounces

571



HỘP THUỐC GIẢI-ĐỘC NGA-SO.

Dùng để giải-độc vũ-khí cá-nhân và ống đồng gồm có : 5 cái khăn bằng giấy và 2 ống thuốc nước. Một ống dầu sơn đỏ và một ống dầu sơn đen. Khăn giấy dùng để lau chùi chất độc dính trên vũ-khí.

Dùng thuốc ở trong chai có dầu sơn đen xoa vào những nơi bị nhiễm độc trước rồi kể đến, dùng thuốc ở chai có dầu sơn đỏ. Lau khô vũ-khí và lau dầu.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

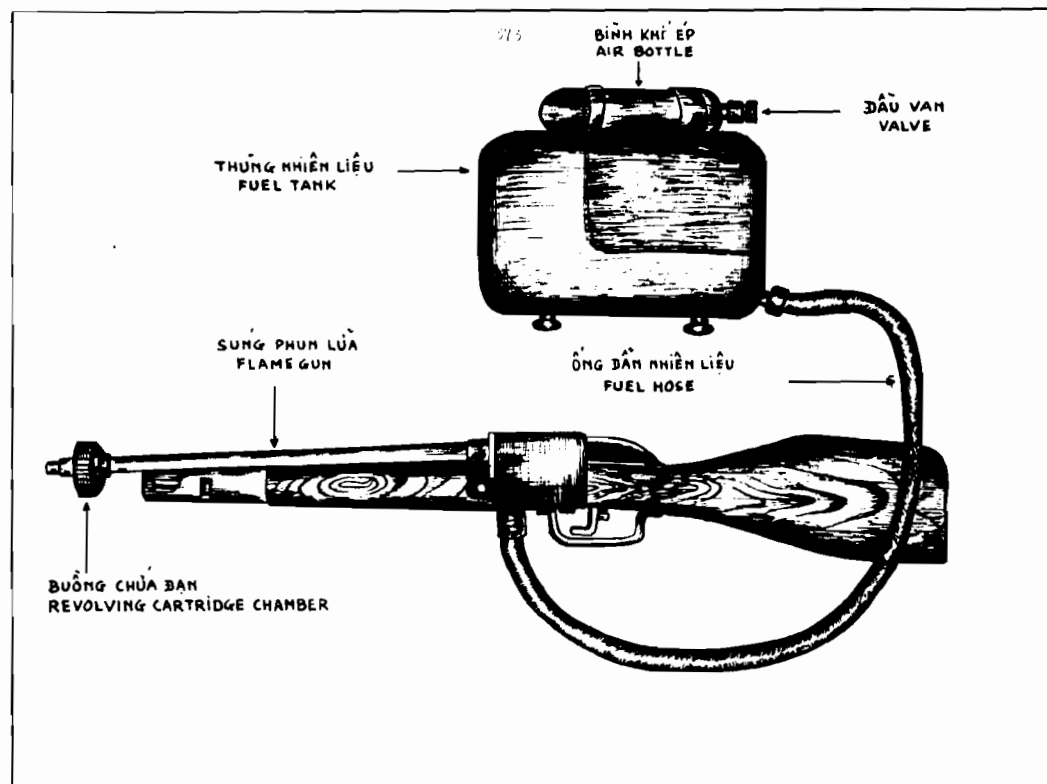
Chiều cao 127 ly
 Chiều ngang 77 ly
 Chiều dày 38 ly
 Lượng thuốc 82 phân khối
 Hộp chứa Bằng kim khí màu xanh.

SOVIET DECONTAMINATION KIT

This kit can be used for decontaminating individual and crew-served weapons. Five paper towels and two sealed glass ampules (one red-topped and one black-topped) are contained in the kit. The agent is partially removed from the weapon with a paper towel. Contents from the black-topped bottle are applied to contaminated areas, then the contents from the red-topped bottle are applied. The weapon is dried and oiled.

CHARACTERISTICS

Length	5 inches
Width	3 inches
Thickness	1.5 inches
Quantity of decontaminants	82 cc
Appearance	Green metal container



SÚNG PHUN LỬA ĐEO VAI KIỂU ROKS-3 CỦA NGA SƠ

Súng phun lửa đeo vai kiểu ROKS-3 gồm có một súng phun lửa cầm tay, bắn như súng trường và một bình đựng nhiên liệu thường có dây đeo ở sau lưng xạ thủ. Súng có hình dạng của một khẩu súng trường ya có một ổ quay chứa 6 hoặc 7 viên đạn mỗi ổ có thể phun lửa 6, 7 lần. Khi bóp cò súng phun lửa thì đồng thời một tia nhiên liệu phụt tới một trong những viên đạn mỗi ổ bắn lửa đi.

ĐẶC TÍNH

Chiều dài súng	1097 ly
Bình nhiên liệu	
Cao	518 ly
Đường kính	228 ly
Trọng lượng súng	
Với bình nhiên liệu đầy	23,3 kg
Với bình rỗng	14,5 kg
Viễn xa tối đa	
Với nhiên liệu đặc	35 thước
Với nhiên liệu lỏng	15 thước
Thời gian cháy	5 đến 6 giây

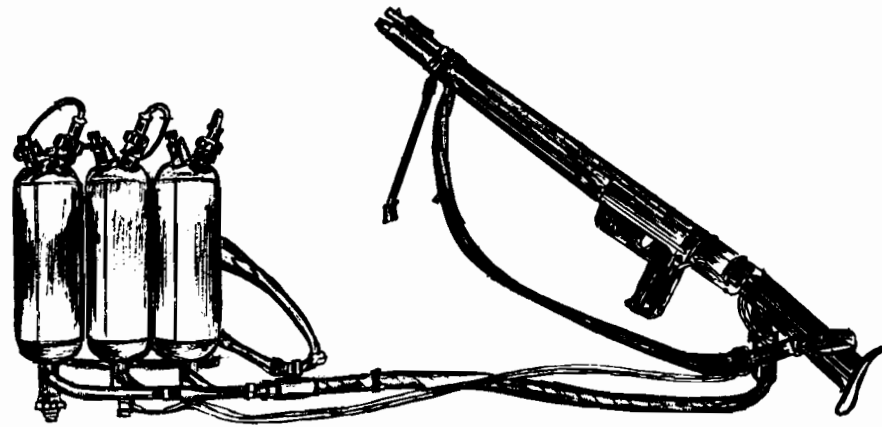
SOVIET PORTABLE FLAME THROWER: MODEL ROKS-3

The portable flame thrower ROKS-3 consists of a flame gun, which is carried and fired similar to a rifle, and a fuel tank assembly, which is normally carried strapped to the user's back. The flame gun is similar to a rifle in appearance and has a cylinder containing six or seven ignition cartridges. These cartridges allow for the firing of six or seven separate bursts of flame. When the trigger of the flame gun is pulled, a stream of fuel mixture is released; and at the same time one of the ignition cartridges is fired.

CHARACTERISTICS

Gun length	1,097 mm (43.2 inches)
Fuel tank:	
Height	518 mm (20.4 inches)
Diameter	228 mm (9 inches)
Weight:	
With full tank	23.3 kg (51.6 pounds)
With empty tank	14.5 kg (32 pounds)
Maximum range:	
With thickened fuel	35 m (38 yards)
With unthickened fuel	15 m (16 yards)
Duration of burst	5 to 6 seconds

375



SÚNG PHUN LỬA ĐEO VAI BA BÌNH KIỂU LPO NGA SƠ

Súng phun lửa LPO là loại súng mới nhất được sử dụng trong Quân-Lục Nga-Sô. Súng dễ nhận dạng vì có ba bình chứa nhiên liệu hình trụ thẳng đứng và chân hai càng của súng có thể gấp lại được. Ở đây ba bình chứa nhiên liệu có chung ống dẫn qua nối với nhau thông ra một ống dẫn đầu. Ở đỉnh của mỗi bình có hai đầu nhỏ lên một đầu là chốt kiểm soát nắp hơi, còn đầu kia là lỗ để đổ nhiên liệu. Thuốc nạp cháy chậm chứa ở trên nắp lỗ đổ nhiên liệu và thuốc mìn lửa đặt ở đầu súng đều nằm ngoài bằng điện khi bóp cò súng. Được biết Việt-Cộng đã sử dụng loại súng phun lửa này trên chiến trường Miền Nam VN.

ĐẶC TÍNH

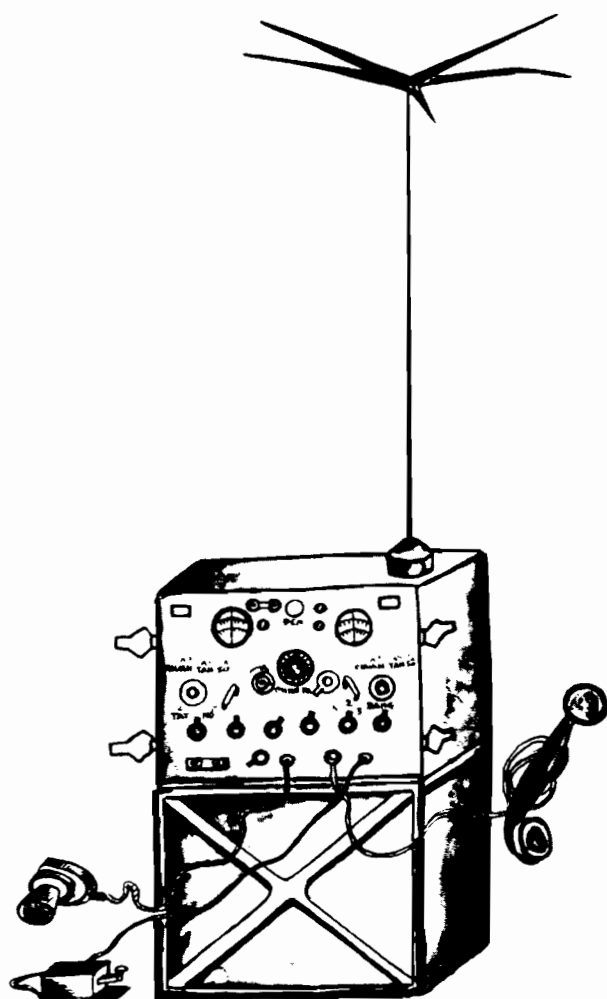
Chiều dài súng	955 ly
Bộ phận bình chứa	
Cao	546 ly
Dài	394 ly
Rộng	152 ly
Trọng lượng	
Với bình đầy	23 kg
Với bình rỗng	13,6 kg
Viễn xạ tối đa	
Với nhiên liệu dẻo 70 thước	
Với nhiên liệu lỏng 20 thước	
Thời gian cháy (mỗi bình) Từ 2 đến 3 giây	

SOVIET PORTABLE FLAME THROWER: MODEL LPO

The LPO is the newest flame thrower known to be used by the Soviet Armed Forces. It is easily identifiable by the three identical, upright, cylindrical fuel tanks and the folding bipod on the flame gun. The three tanks are connected at their bases by a manifold leading to the fuel hose. Each tank has two horn-like protrusions on top. One is a safety valve and the other is a filling valve. The slow burning pressurizing charge in the cap of the filling valve and the ignitor located in the nozzle of the gun are electrically ignited by depressing the trigger. The LPO is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Gun length	955 mm (37.6 inches)
Tank group:	
Height	546 mm (21.5 inches)
Width	394 mm (15.5 inches)
Depth	152 mm (6 inches)
Weight:	
With full tanks	23 kg (50.6 pounds)
With empty tanks	13.6 kg (30 pounds)
Maximum range:	
With thickened fuel	70 m (76 yards)
With unthickened fuel	20 m (22 yards)
Duration of burst (each tank)	2 to 3 seconds



MÁY VỎ-TUYẾN PHÁT-THU 71 B CỦA TRUNG-CỘNG.

Là một loại máy biến-điều biến-độ do người mang khi sử-dụng. Có tần số từ 1.9-7.2 MC. Máy có thể thu phát được tín-hiệu và âm-thoại. Máy và pin được để trong một hộp bằng sắt nặng lắm, đối có những miếng đệm bằng cao-su đặt ở giữa để giảm bớt chấn động của máy. Máy 71B này có thể kết nối với các hệ-thống với máy 102E, XD-6 và 63.

MÔ-TẢ KỸ-THUẬT.

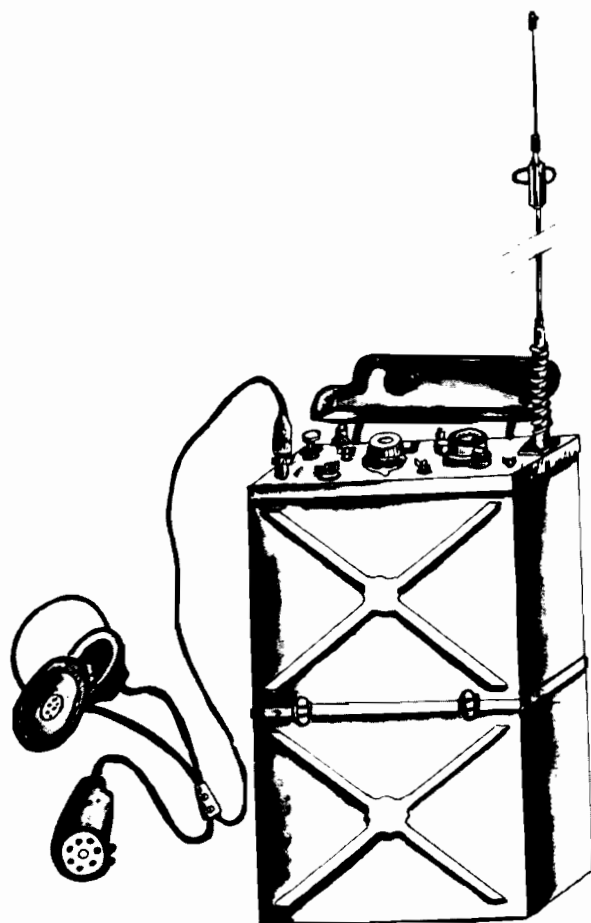
Trọng-lượng 20 Kg 500
 Kích thước 381 ly x 305 ly x 165 ly.
 Nguồn điện sử-dụng . . . Pin D71, 1,5 V- 7,5 V 90 - 150 V.
 Tần số 48 Gs (Phong Minh)
 Tần số 2 băng thu và 3 băng phát, 1,9 đến 7,2 Mc
 Ga chu-ky
 Cách khai-thác Tín-hiệu và âm thoại

CHICOM TYPE 71 B RADIO TRANSCEIVER

This ChiCom radio is a man-pack, AM radio. Frequency range is 1.9 to 7.2 megacycles. It can be operated in voice or CW mode. The radio and battery are housed in separate, but attached, sheet metal cases. Rubber gaskets between cases give it some moisture protection. This radio will net with radio sets 102 E, XD6, and 63.

CHARACTERISTICS

Weight	45 pounds
Height	15 inches
Width	12 inches
Depth	6.5 inches
Power source	Dry battery D71 1.5 volts, 7.5 volts, 90 volts, 150 volts
Range	30 miles (estimated)
Output	2 watts (estimated)
Frequency	1.9 to 7.2 mc; receiver 2 bands, transmitter 3 bands.
Type service	Voice and CW



MÁY VÕ-TUYÊN PHÁT THU 63 TRUNG-CỘNG.

Là kiểu máy võ-tuyên biến-điều biến-độ đa-chiến mới nhất. Về hình dáng bên ngoài nó giống như máy PRC-25 của Hoa-Kỳ và được đặt trong một túi đựng kiểu mang lưng bằng kim khí có quai mang.

Có lẽ máy này được dùng để thay-thế máy 71 B.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Trọng lượng 15 Kg 785
 Kích thước 407 x 250 x 88 ly
 Nguồn điện Pin hộp D-63, 3 Volts
 27v, 90v, 178,5 v.
 Tần phát thu. 16 Mc đến 48 Mc (Phạm vi
 định).
 Năng suất 2 Watts (Phạm vi định)
 Tần số 1,5 đến 6 Mc-Ga Chu-Kỳ
 Ký hiệu thu Âm-thoại và tín-hiệu.

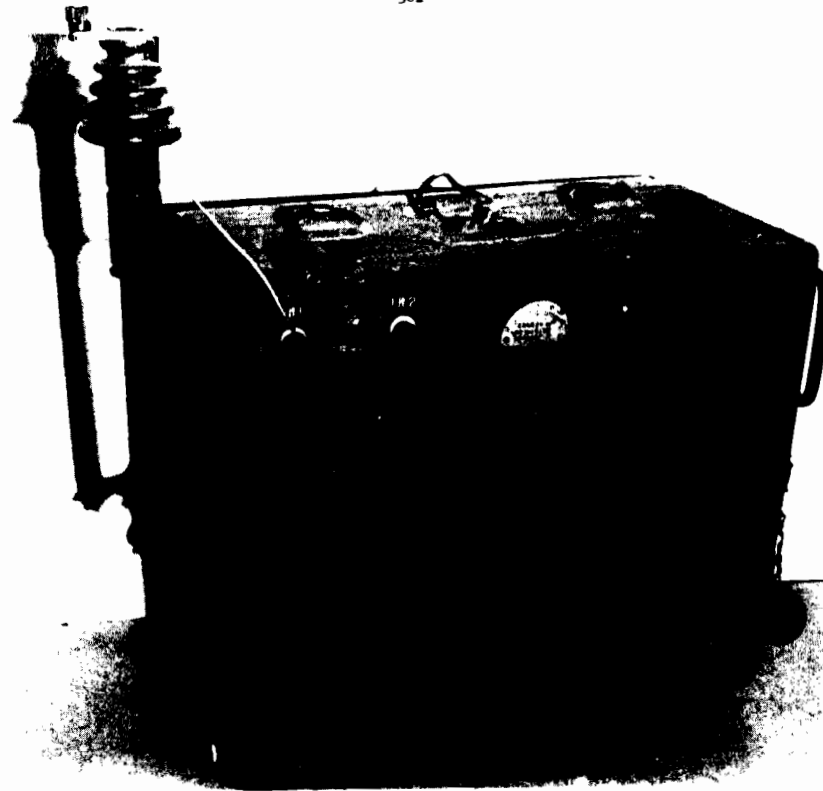
CHICOM TYPE 63 RADIO TRANSCIVER

The ChiCom Type 63 AM Radio Transceiver is the newest type AM field radio. It is similar in configuration to the US PRC-25 radio and comes complete with pack frame and carrying straps. This radio is probably intended as a replacement for the Model 71B radio.

CHARACTERISTICS

Weight	35 pounds
Height	16 inches
Width	10 inches
Depth	3.5 inches
Power source	Dry battery D-63, 3 volts to 27 volts, 90 volts to 178.5 volts
Range	10 to 30 miles (estimated)
Output	2 watts (estimated)
Frequency	1.5 to 6 mc
Type service	Voice and CW

381



MÁY BÓ TUYÊN ĐIỆN 102 E CỦA TRUNG-CỘNG.

382

CHICOM RADIO SET: MODEL 102E

Là một máy biến-điều biến-độ có thể sử dụng bằng
oạt do người mang hoặc đặt trên xe. Khi phát cần phải
có 1 nguồn điện do máy phát điện quay tay cung cấp hoặc
một Dynamo công suất phát là 15 Watts, có tầm phát thụ
khoảng 120 Km. Được biết Việt-Cộng đã sử dụng loại máy
này.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Trọng-lượng 17 Kg 138 (47Kg355 có
phụ tùng)
Kích thước 331 x 381 x 180 ly
Nguồn điện Phân thu: Pin hộp D-61
90 V và 1.5 V.
Phân phát: Máy phát điện
quay tay 641 Đ
hoặc Dynamo 964E
425 V và 6.3 V.
Tầm phát thu 120 Km (Phong bình)
Công suất phát 15 Watts.
Tần số 2 đến 12 MHz Chu-Kỳ
Ký hiệu phát thu Âm-thoại và tín-hiệu
CHÚC CHÚ: Trung-Cộng đã cải-tiến loại máy này thành
một loại máy mới hơn là máy X-D6.

The ChiCom 102E radio set can be man-packed or
mounted in vehicles. The transmitter requires a hand
crank generator or a dynamotor to supply power for
operation. Output power is 15 watts with a range of
about 75 miles. It is an amplitude modulated radio.
This radio is known to be used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Weight	Basic 38 pounds (105 pounds with accessories)
Height	13 inches
Width	15 inches
Depth	7 inches
Power source:	
Receiver	Dry battery D-61
Transmitter	Generator (641-D, Dynamotor 964 E)
Range	75 miles (estimated)
Output	15 watts
Frequency	2 to 12 mc
Type of service	Voice and CW



MÁY ĐIỆN-THOẠI DÃ-CHIẾN LOẠI ĐẶT TRÊN BÀN
KIỂU TM-50 CỦA NAM-TU.

384

Vỏ bằng nhựa giống như loại điện-thoại đặt
bàn TP-10 của Hoa-Kỳ nhưng máy điện-thoại này có
một máy phát điện quay tay dùng để báo hiệu.
Việt-Cộng có sử dụng loại máy này.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

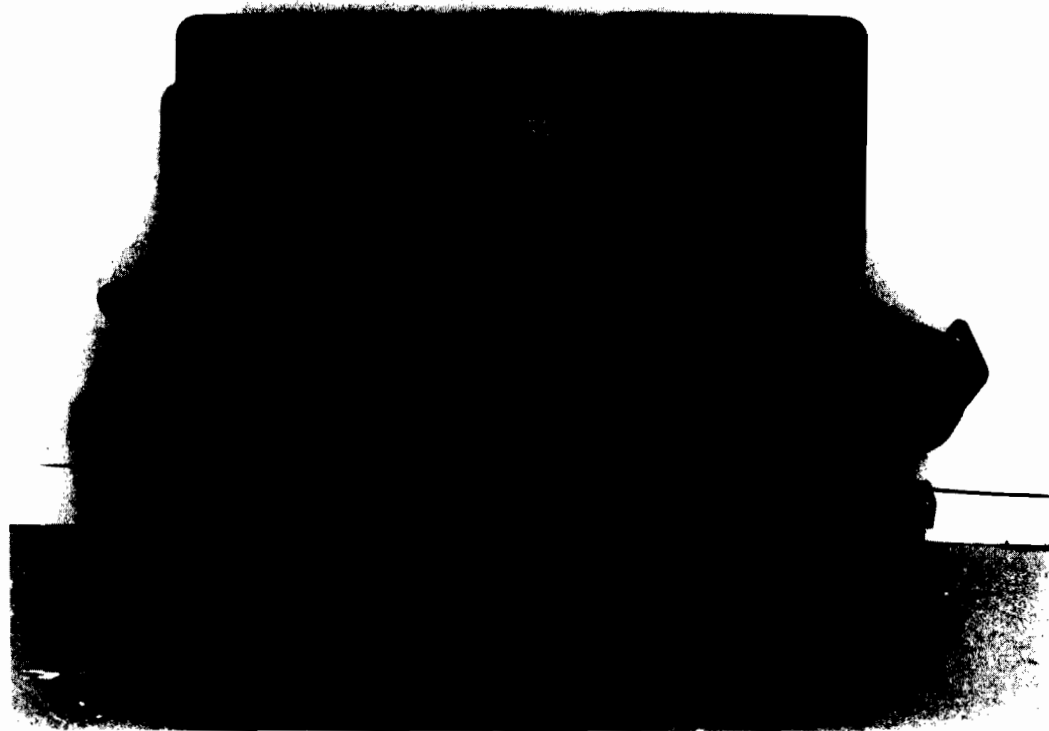
Trọng lượng 3 Kg 608
Chiều cao 114 ly
Chiều ngang 139 ly
Chiều dài 216 ly
Nguồn điện lực:
- Điện thoại 3 Volts điện một chiều
- Báo hiệu 90 Volts điện xoay chiều
20 Chu Kỳ/Giây.
Tần liên lạc của máy . . 24 Kc.

YUGOSLAV DESK TYPE FIELD TELEPHONE: MODEL TM-50

This telephone is a desk model, having a black bakelite covering. It is similar to the US Type TP-10 telephone; however, this telephone has a hand crank generator. This telephone is believed to be made in Yugoslavia. It is known to be used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Weight	8 pounds
Height	4.5 inches
Length	5.5 inches
Depth	8.5 inches
Power sources:	
Voice	3 volts DC
Ringling	90 volts AC, 20 cycles/second
Range	15 miles



MÁY ĐIỆN-THOẠI DÃ-CHIẾN KIỂU E.0754 CỦA TRUNG-CỘNG

Máy điện-thoại dã-chiến kiểu E.0754 của Trung-Cộng được chế-tạo theo kiểu máy điện-thoại dã-chiến 0743 để xuất sang. Chỉ có một sự khác biệt giữa hai loại máy nêu trên là: những máy điện-thoại dã-chiến kiểu E0754 có bảng hướng-đi chỉ cách sử-dụng bằng Anh Ngữ, trong lúc bảng hướng-đi này trên máy E0743 thì bằng Hoa Ngữ.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT

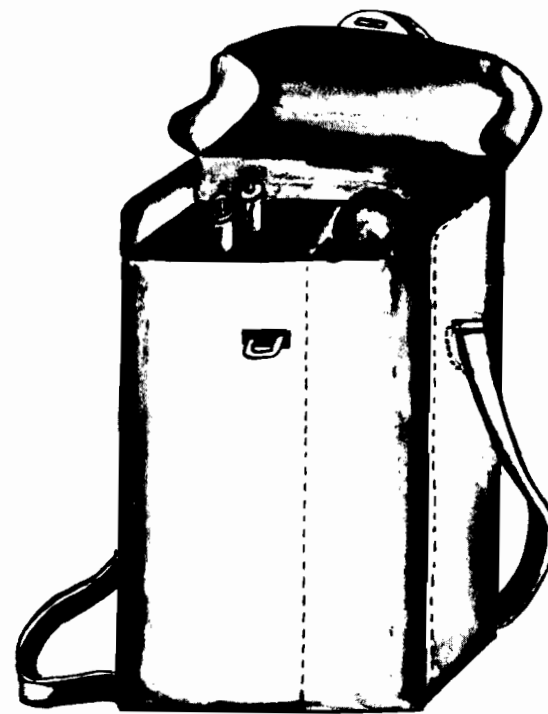
Trọng lượng 5,412 Kg
 Kích thước 204x280x115 ly
 Nguồn điện lực
 - để đàm thoại Pin 1,5 Volt
 - để báo hiệu Máy phát điện
 quay tay trong
 máy.
 Tần liên-lạc của máy 30 cây số.

CHICOM FIELD TELEPHONE MODEL E0754

The ChiCom field telephone E0754 is an export model of the 0743 field telephone. The only difference is the English instruction on the model E0754 and the Chinese instruction on the E0743.

CHARACTERISTICS

Weight	12 pounds
Height	8 inches
Length	11 inches
Depth	4.5 inches
Power source:	
Voice	Dry battery 1.5 volt
Ringing	Hand crank generator
Range	19 miles (estimated)



DIỆN THOẠI Dã CHIẾN KIỂU Q-07.1 CỦA TRUNG CỘNG

Điện thoại dã chiến Q-07.1 của Trung-Cộng có hình dáng bên ngoài hơi giống điện thoại dã chiến EE-8 của Hoa-Kỳ. Điện thoại gồm có một hộp bằng da trong đựng ống liên hợp, cuộn dây cảm ứng, máy phát điện quay tay, bộ-phần chuông báo và ngăn đựng pin. Được biết Việt-Cộng Miền Nam đã sử-dụng loại điện thoại này.

ĐẶC TÍNH

Trọng lượng	3,8 kg
Chiều cao	279 ly
Chiều ngang	211 ly
Chiều rộng	102 ly
Nguồn tiếp điện	
-Khi nói	Bằng 2 que pin 1,5 volt
-Khi gọi	Bằng điện quay tay
Tầm xa	3,2 cây số (với dây dã - chiến)

CHICOM FIELD TELEPHONE MODEL Q-07.1

The ChiCom field telephone Q-07.1 is somewhat similar in external appearance to the US Army field telephone EE-8. It consists of a leather case containing the headset, induction coil, magneto-type hand generator, bell assembly, and battery compartment. The Q-07.1 field telephone is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Weight	3.8 kg (8.5 pounds)
Height	279 mm (11 inches)
Width	211 mm (8.3 inches)
Thickness	102 mm (4 inches)
Power source:	
Voice	Battery (two 1.5 volt batteries)
Ringling	Hand magneto
Range	3.2 km (2 miles) with field wire



MÁY ĐIỆN-THOẠI DÃ-CHIẾN 0743 CỦA TRUNG-CỘNG.

Máy điện-thoại dã-chiến 0743 của Trung-Cộng có vỏ bằng nhựa màu hơi đỏ; ghe-tạo không được mỹ thuật nhưng, liên-lạc từ 8 Km trở lại, máy sử dụng rất tốt. Tầm xa liên-lạc ấn-dịnh là 24 Km. Tuy nhiên, ngoài khoảng 8 Km thì sự liên-lạc bắt đầu mất dần hiệu quả. Việt-Cộng được Trung-Cộng viện-trợ loại máy này.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

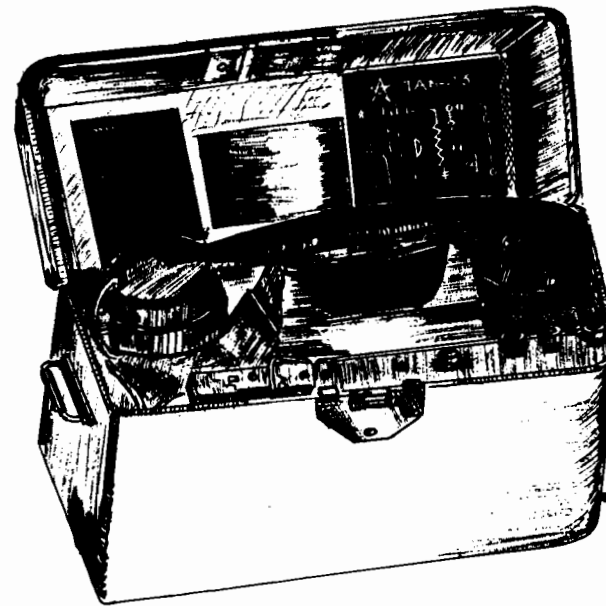
Trọng lượng 5 Kgs 400
 Kích thước 204 x 280 x 115 ly
 Nguồn điện :
 - Đèn thoại Pin 1.5 Volt
 - Báo hiệu Máy phát điện quay tay.
 Tầm liên-lạc tối đa 30 Km (Phỏng-dịnh).

CHICOM FIELD TELEPHONE: MODEL 0743

The ChiCom field telephone Model 0743 is housed in a reddish bakelite case. It is ruggedly built and provides good telephone service up to five miles. It is rated at a range of 15 miles, but after five miles the quality of communication starts to deteriorate. This telephone is known to be used by the VC.

CHARACTERISTICS

Weight	12 pounds
Height	8 inches
Length	11 inches
Depth	4.5 inches
Power source:	
Voice	Dry battery 1.5 volts
Ringling	Hand crank generator
Range	19 miles (estimated)



**ĐIỆN THOẠI DÃ CHIẾN KIỂU TAI-43 CỦA NGÀ SỔ
KIỂU 252B CỦA TRUNG CỘNG**

Điện thoại dã chiến TAI-43 của Nga-Sổ đựng trong hộp bằng gỗ hoặc bằng nhựa. Trong hộp gồm có một ống liên hợp nghe và nói, một cuộn dây cảm ứng, một máy phát điện quay tay, bộ phận ohuông báo và ngăn đựng pin. Cách sử dụng điện thoại TAI-43 giống như cách sử dụng điện thoại dã chiến EE-8 của Hoa-Kỳ. Việt-Cộng đã sử dụng loại điện thoại này tại Miền Nam VN

ĐẶC TÍNH

Trọng lượng	5,4 kg
Chiều cao	203 ly
Chiều ngang	279 ly
Chiều rộng	114 ly
Nguồn tiếp điện	
- Khi nói	Bằng 2 ous pin 1,5 volt
- Khi gọi	Bằng điện quay tay
Tầm xa	24 cây số (với dây dã chiến)

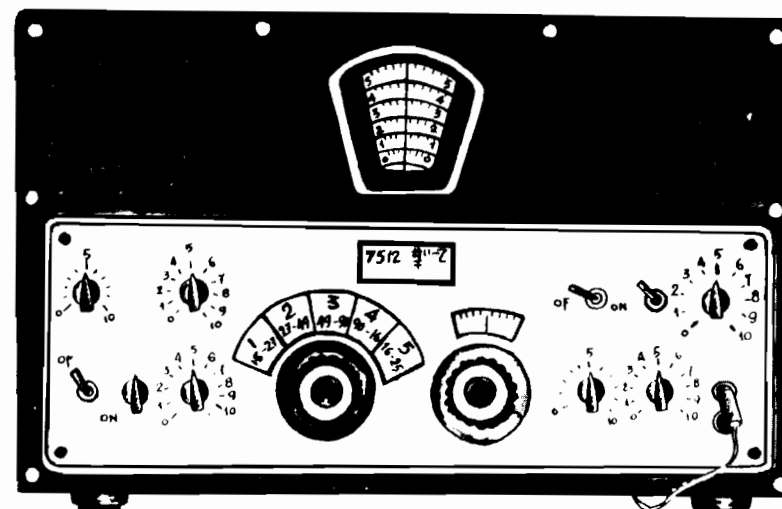
**SOVIET FIELD TELEPHONE: MODEL TAI-43
CHICOM MODEL 252B**

The Soviet field telephone TAI-43 is housed in either a wooden or a plastic case. The case contains a handset, induction coil, magneto-type hand generator, bell assembly, and battery compartment. The TAI-43 is employed in the same manner as the US Army EE-8 field telephone. This telephone is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Weight	5.4 kg (12 pounds)
Height	203 mm (8 inches)
Width	279 mm (11 inches)
Thickness	114 mm (4.5 inches)
Power source:	
Voice	Battery (two 1.5 volt batteries)
Ringling	Hand magneto
Range	24 km (15 miles) with field wire

993



MÁY THU CỔ ĐỊNH 7.512 CỦA TRUNG-CỘNG.

Là một loại máy thu biến-điều biến-đô do Trung-Cộng chế-tạo rất tinh-xảo, tuy-nhiên rất nặng-nề; máy được chuyển-vận trên 2 luồng điện 110 hoặc 220 Volts (điện xoay chiều). Là một loại máy thu cố-định có tần số 1,5 đến 25 Mc-Ga Chu-Ký.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Trọng-lượng 40 Kg 600
 Cơ-máy 305 x 520 x 370 ly
 Công-xuất tiêu-thụ 80 - 120 - 190 và
 230 Volts điện xoay
 chiều.
 Tần số 1,5 đến 25 Mc-Ga Chu-
 Ký (5 băng)
 Thu được Âm-thoại và tín-hiệu.

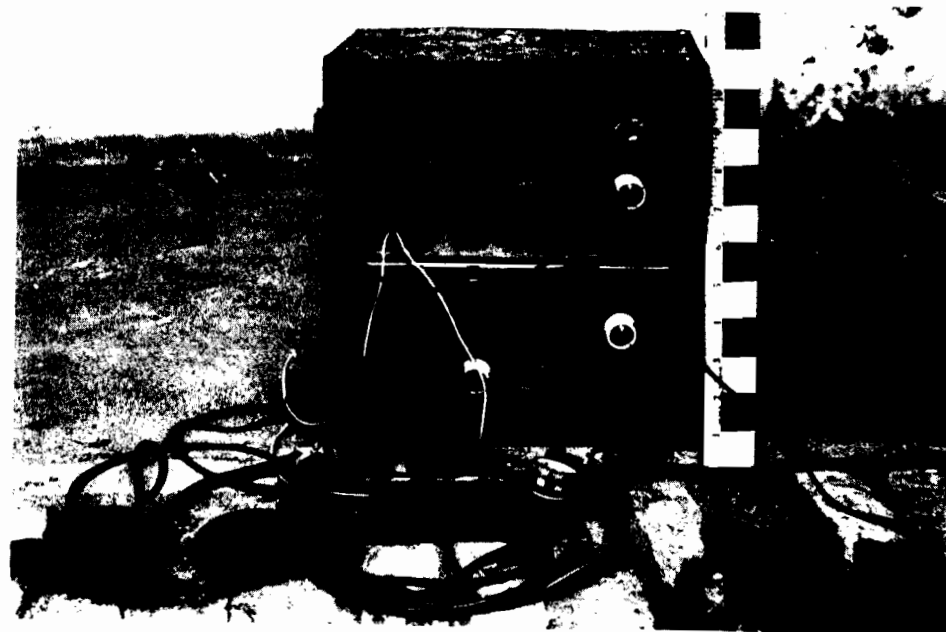
CHICOM TYPE 7512 RADIO RECEIVER

This is a table model ChiCom AM radio receiver which is well constructed, but extremely heavy. It operates on 110 or 220 volts AC. It is a fixed station type radio with a frequency range of 1.5 to 25 megacycles.

CHARACTERISTICS

Weight	90 pounds
Height	12 inches
Length	20.5 inches
Depth	14.5 inches
Power requirements	80 to 120 and 190 to 230 volts AC
Frequency range	1.5 to 25 mc (5 bands)
Type service	Voice and CW

395



MÁY VO-TUYÊN-ĐIỆN AB-64 CỦA BẮC-VIỆT.

Máy do Việt-Cộng Miền Bắc chế-tạo, là 1 máy biên-diệu biên-độ có khả-năng thu và phát tín hiệu. Theo tiêu-chuẩn của Hoa-Kỳ máy VTĐ này là một máy VTĐ rất thô-sơ, tuy-nhiên sử-dụng rất hiệu.

Khi chế-tạo loại máy này, người ta không nghĩ đến việc chế-tạo máy cho có những đặc-tính không thấm nước và có thể nhảy hoặc có bộ phận loại bỏ sự dao-động của tần số, nhưng rất tiếc chế-tạo ra 1 máy thụ-phát có tầm hoạt-động xa phóng định ở 30 cây số như vậy.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Trong-lượng 6,765 Kg
 Kích thước 280 x 229 x 166 ly
 Điện năng :
 - Thu 1,5 và 90 Volts
 điện 1 chiều.
 - Phát 1,5 và 180 Volts
 điện 1 chiều.
 Tầm phát thu 30 cây số
 Công-suất 2 Watts
 Tần số 3,8 - 6,4 Mc Chu-
 Kỳ (2 băng)
 Khả-năng Chỉ thu và phát tín-
 hiệu.

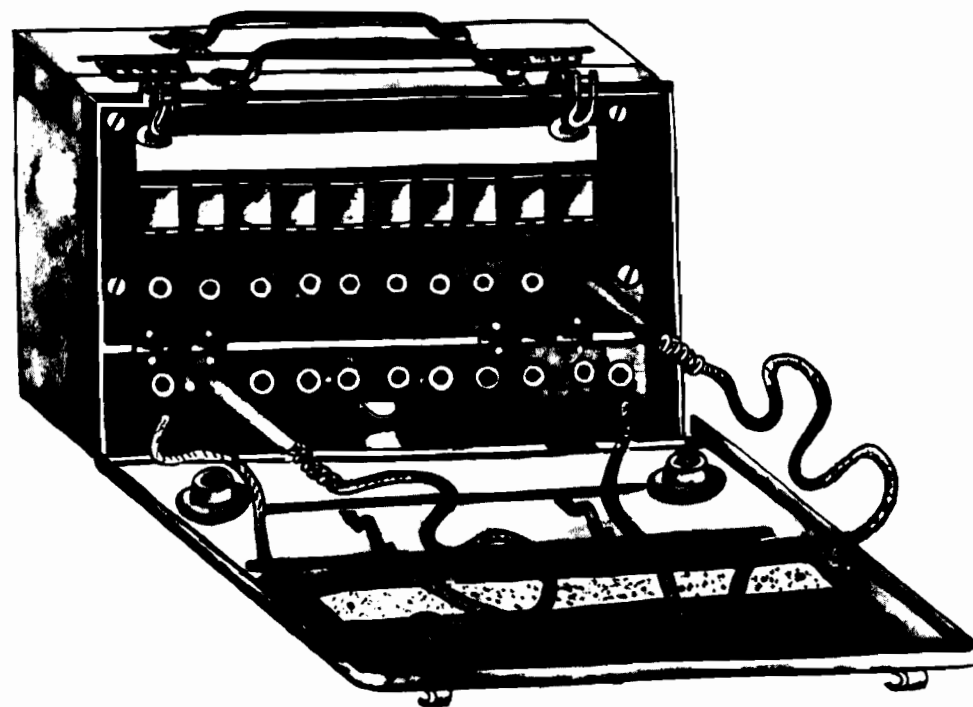
396

VIET CONG TYPE AB-64 HANDMADE RADIO SET

This VC handmade radio transmitter and receiver is an AM set capable of transmitting and receiving CW. By US standards this is a crude radio set. However, it is effective. No attempt was made to make it waterproof, to sensitize, or to cut down on the frequency swing, but it is an inexpensive way to make a radio set with a range of approximately 20 miles. This radio set is known to be produced by the VC.

CHARACTERISTICS

Weight	15 pounds
Height	11 inches
Length	9 inches
Depth	6.5 inches
Power source:	
Receiver	1.5 and 90 volts DC
Transmitter	1.5 and 180 volts DC
Range	20 miles
Output	2 watts (estimated)
Frequency range	3.8 to 6.4 mc (2 bands)
Type service	CW only



TỔNG-ĐÀI DẠ-CHIẾN 252 B CỬA TRUNG-ÔNG.

398

Vỏ máy tổng-đài làm bằng sắt lá màu xám. Máy tổng-đài có 10 lỗ gồm "Phích" và 10 của số b a o hiệu để báo cho biết khi có người gọi đến. Tổng-đài viên phải sử dụng một máy điện-thoại dã-chiến rap nối vào mặt tổng-đài qua một đường dây gọi và trả lời trực tiếp.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

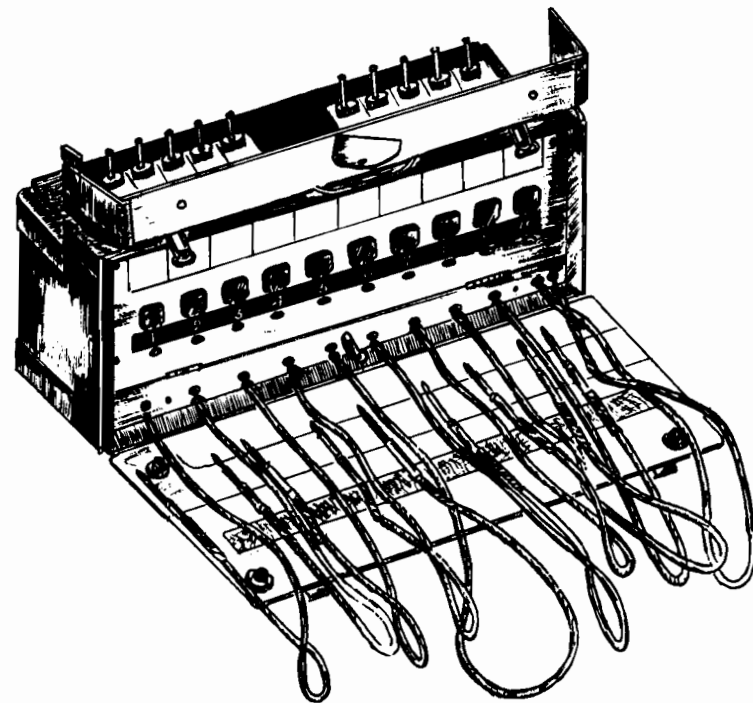
Trong-lượng 4,500 Kgs
 Kích-thước 178x305x140 ly
 Nguồn điện Máy điện thoại dã-chiến của tổng-đài viên.
 Tâm xa Bằng tâm xa của máy điện thoại dã-chiến mà tổng-đài viên sử dụng.

CHICOM FIELD SWITCHBOARD: MODEL 252-B

The ChiCom Model 252-B Switchboard is housed in a gray, sheet metal case. The switchboard contains ten drop cords and dropping metal leafs to indicate incoming calls. The operator must use a field telephone which is connected to the switchboard panel via a call answering cord.

CHARACTERISTICS

Weight 10 pounds
 Height 7 inches
 Length 12 inches
 Depth 5.5 inches
 Power source Operators field telephone
 Range Same as operator's field telephone



TỔNG DÀI DÂY CHIẾN KIỂU K-10 CỦA NGÀ SƠ

Tổng-dài K-10 của Ngà-Sơ là loại tổng dài dây đơn, khai thác theo kiểu ổ cắm dây, dùng nguồn tiếp điện tại chỗ và có 10 hướng liên lạc. Loại tổng dài này được dùng để liên lạc giữa hai hoặc nhiều giới chức. Muốn sử dụng tổng dài, tổng dài viên sẽ lấy phích của giới chức gọi vào vào đường dây của giới chức bị gọi và hai bên nói chuyện. Dây của tổng dài viên ở đầu cùng phía bên phải của tổng dài. Tổng dài K-10 đã được VC sử dụng tại Miền Nam Việt-Nam.

ĐẶC TÍNH

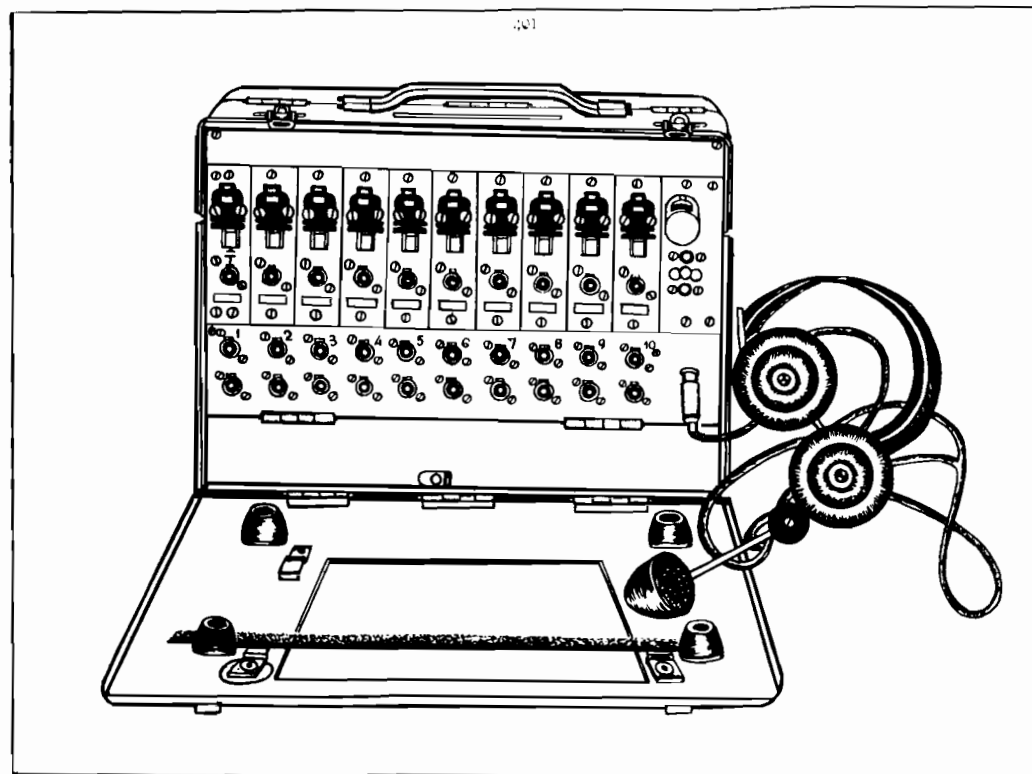
Trọng lượng	4,5 kg
Chiều cao	190 ly
Chiều dài	300 ly
Chiều rộng	140 ly
Nguồn tiếp điện	Dò điện thoại ở nơi cung cấp
Tầm xa	Tùy theo khoảng cách của các điện thoại với tổng dài

SOVIET FIELD SWITCHBOARD TYPE K-10

The Soviet K-10 is a monocord, local battery switchboard having 10 drop cards. These boards are designed so that two or more may be connected in parallel. To use this switchboard, a field phone is connected to one of the terminals for the operator's use, and the plugs are placed in the standby jacks ready for use. The operator's cord is on the extreme right. The K-10 switchboard is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Weight	4.5 kg (10 pounds)
Height	190 mm (7.5 inches)
Width	300 mm (11.8 inches)
Thickness	140 mm (5.5 inches)
Power source	Operator's field telephone
Range	Same as operator's field telephone



TỔNG DÀI DÂY CHIẾN 10 HƯỚNG CỦA TRUNG CỘNG

Tổng dài dây chiến Trung-Cộng gồm 10 hướng liên lạc. Tổng dài này có thể nối tiếp với một tổng dài cùng loại để tăng thêm số lượng đường dây liên lạc. Một đặc điểm của loại tổng dài này là khai thác hàng năm khoa thay vì theo kiểu cũm dây. Tổng dài này còn phối hợp hai hệ thống báo hiệu cho tổng đài viên. Khi một giới chức gọi tổng đài, chuông sẽ reo và đồng thời của số rút xuống.

Kỹ thuật chế tạo loại tổng dài này đơn giản và thô sơ, rất thích hợp cho chiến trường Miền Nam Việt-Nam. Được biết Việt-Cộng đã sử dụng loại tổng dài này tại Miền Nam.

ĐẶC TÍNH

Trọng lượng	4,5 kg
Chiều cao	228 ly
Chiều dài	272 ly
Chiều rộng	165 ly
Nguồn tiếp điện	Hai cục pin 1,5 volt
Tầm xa	10 cây số

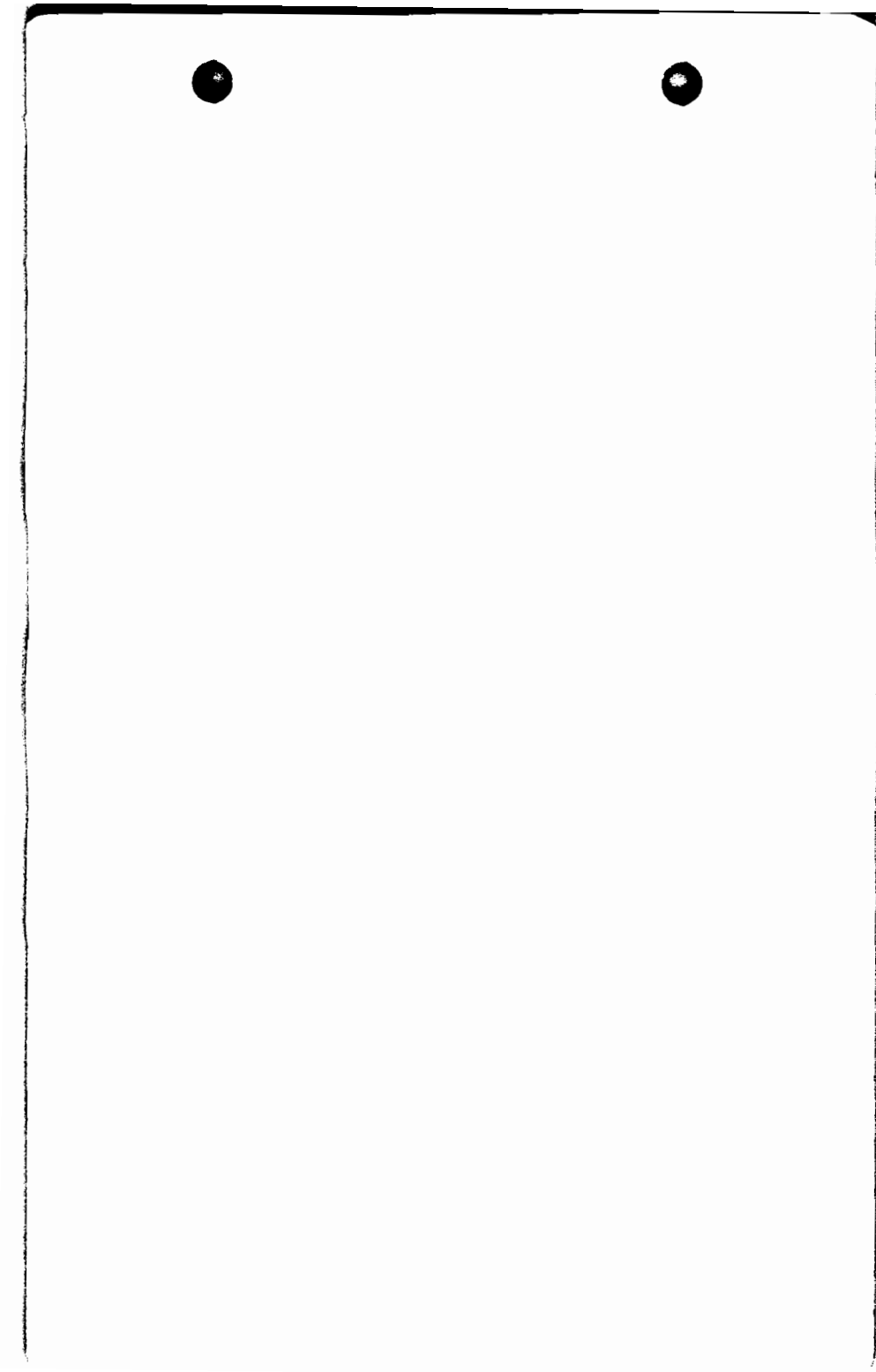
CHICOM 10 LINE FIELD TELEPHONE

The ChiCom field switchboard is equipped to handle a maximum of ten telephone lines. The design of this switchboard includes provisions for connecting it to similar switchboards to increase the total number of telephone lines handled by one operator. One unusual feature of this switchboard is the fact that it uses switching keys instead of drop cords. It also incorporates two alarm systems for the switchboard operator. When someone rings the switchboard, a bell rings and the drop window is actuated.

The design of this switchboard is simple and rugged, and it is well suited for use in this area. It is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Weight	4.5 kg (20 pounds)
Height	228 mm (9 inches)
Width	272 mm (10.7 inches)
Thickness	165 mm (6.5 inches)
Power source	Batteries (two 1.5 volt batteries,
Range	10 km



CẤP HIỆU ĐEO CỞ ÁO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT CỘNG (BẮC VĨ TUYẾN 17)
INSIGNIA OF RANK COLLAR PEOPLES ARMY OF VIETNAM (PAVN)



UY.TÁ ★ Officers



HQC VIÊN ★ Student Officer



KHÍ XA ★ Transportation



THÔNG TIN ★ Signal



QUẢN NHU ★ Quartermaster



HÓA HỌC ★ Chemical



QUÂN PHỤC TÁC CHIẾN CỦA
SĨ QUAN
Officers' Field Uniform



TUÔNG ★ Generals



KỶ BINH ★ Cavalry



VĂN CÔNG ★ Recreation Group



THỂ CÔNG ★ Athletics



QUÂN NHẠC ★ Band



QUÂN GIỚI, QUÂN KHÍ ★ Ordnance

CẤP HIỆU ĐEO CỔ ÁO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT CỘNG (BẮC VĨ TUYẾN 17)
INSIGNIA OF RANK COLLAR PEOPLES ARMY OF VIETNAM (PAVN)



BINH NHI
Pvt. 2nd Class



BINH NHẬT
Pvt. 1st Class



HẠ SĨ
Corporal



TRUNG SĨ
Sergeant



THƯỢNG SĨ
Master Sergeant



PHỤ HIỆU LỤC QUÂN
ĐEO Ở MŨ
Army Hat Insignia



QUÂN PHỤC LẮM VIỆC SĨ QUAN
Officers' Service Dress Uniform



BINH NHI, CÔNG BINH
Pvt. 2nd Class, Engineer



BINH NHẬT, PHÁO BINH
Pvt 1st Class, Artillery



HẠ SĨ, XE TĂNG
Corporal, Armor



TRUNG SĨ, QUÂN Y
Sergeant, Medical Corps



THƯỢNG SĨ, QUÂN PHÁP
Master Sergeant, Military Justice

CẤP HIỆU DEO CẦU VAI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT CỘNG (BẮC VĨ TUYẾN 17)
INSIGNIA OF RANK SHOULDER BOARD PEOPLES ARMY OF VIETNAM (PAVN)



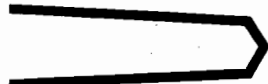
HẠ SĨ ★ Corporal



TRUNG SĨ ★ Sergeant



THƯỢNG SĨ ★ Master Sergeant



CHUẨN ÚY ★ 3rd Lieutenant



THIỂU ÚY ★ 2nd Lieutenant



QUÂN PHỤC TÁC CHIẾN
BINH SĨ

Field Uniform



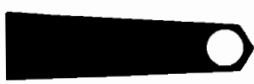
VĂN CÔNG ★ Recreation



THỂ CÔNG ★ Athletics



QUÂN NHẠC ★ Band

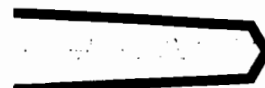


HỌC VIÊN ★ Student Officer

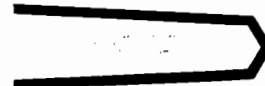


TRUNG ÚY ★ 1st Lieutenant

CẤP HIỆU ĐEO CẦU VAI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT CỘNG (BẮC VÍ TUYẾN 17)
INSIGNIA OF RANK SHOULDER BOARD PEOPLES ARMY OF VIETNAM (PAVN)



THƯỢNG ÚY ★ Captain



THiếu TÁ ★ Major



TRUNG TÁ ★ Lt. Colonel



THƯỢNG TÁ ★ Colonel



ĐẠI TÁ ★ Senior Colonel



PHÓ HIỆU LỤC QUÂN
ĐEO Ở MŨ
Army Hat Insignia



ĐẠI ÚY ★ Senior Captain



THiếu TƯỚNG ★ Brig. General



TRUNG TƯỚNG ★ Major General



THƯỢNG TƯỚNG ★ Lt. General



ĐẠI TƯỚNG ★ General